

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
(Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 29**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc
hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo
bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục
tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm
2022 Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền
vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Xét Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết giao Kế hoạch đầu tư công
năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nguồn
vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa*

- Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh là 102,398 tỷ đồng (gồm: Ngân sách trung ương là 91,817 tỷ đồng và ngân sách tỉnh đối ứng là 10,581 tỷ đồng), trong đó:

1. Vốn phân khai chi tiết là 87,256 tỷ đồng (gồm: Ngân sách trung ương là 78,650 tỷ đồng và ngân sách tỉnh đối ứng là 8,606 tỷ đồng), chi tiết theo các phụ lục đính kèm.

2. Vốn phân khai sau 15,142 tỷ đồng (gồm: Ngân sách trung ương là 13,167 tỷ đồng và ngân sách tỉnh đối ứng là 1,975 tỷ đồng).

Điều 2. Thống nhất kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm 2025 đối với dự án Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thuỳ Trâm (thuộc Tiểu dự án 1 - Dự án 4) tại Phụ lục số 2 kèm theo Nghị quyết.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 29 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, LĐ-TB&XH, Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐDBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, VHXH. ttkan.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân

Phụ lục 1
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
 Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh đối ứng
 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2024			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	TỔNG SỐ	568.313	512.206	56.107	465.915	420.389	45.526	102.398	91.817	10.581	
A	Phân khai trong đợt này	553.171	499.039	54.132	465.915	420.389	45.526	87.256	78.650	8.606	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	455.926	414.478	41.448	385.729	350.663	35.066	70.197	63.815	6.382	
1.1	Tiểu dự án 1-Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	455.926	414.478	41.448	385.729	350.663	35.066	70.197	63.815	6.382	
*	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	406.426	369.478	36.948	346.129	314.663	31.466	60.297	54.815	5.482	
-	Huyện Sơn Tây	192.128	174.662	17.466	163.625	148.750	14.875	28.503	25.912	2.591	
-	Huyện Trà Bồng	214.298	194.816	19.482	182.504	165.913	16.591	31.794	28.903	2.891	
*	Hoạt động 2: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (xã ĐBK)	49.500	45.000	4.500	39.600	36.000	3.600	9.900	9.000	900	
-	Huyện Lý Sơn	49.500	45.000	4.500	39.600	36.000	3.600	9.900	9.000	900	
2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở	97.245	84.561	12.684	80.186	69.726	10.460	17.059	14.835	2.224	
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	90.247	78.476	11.771	74.462	64.749	9.713	15.785	13.727	2.058	
-	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	90.247	78.476	11.771	74.462	64.749	9.713	15.785	13.727	2.058	Chi tiết theo phụ lục 2
2.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	6.998	6.085	913	5.724	4.977	747	1.274	1.108	166	
-	Sở Lao Động Thương Binh và Xã hội	6.998	6.085	913	5.724	4.977	747	1.274	1.108	166	Chi tiết theo phụ lục 2
B	Phân khai sau	15.142	13.167	1.975				15.142	13.167	1.975	





Phụ lục 2
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở
Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Đầu mối giao kế hoạch/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao sau điều chỉnh			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2024			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
						Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	TỔNG SỐ					101.945	88.511	13.434	97.245	84.561	12.684	80.186	69.726	10.460	17.059	14.835	2.224	
*	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn					94.947	82.563	12.384	90.247	78.476	11.771	74.462	64.749	9.713	15.785	13.727	2.058	
1	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi (Giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Thành phố Quảng Ngãi	2022-2025	Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	55.386	48.162	7.224	52.386	45.553	6.833	37.541	32.644,5	4.896,5	14.845	12.908,5	1.936,5	
2	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Thành phố Quảng Ngãi	2022-2025	Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	39.561	34.401	5.160	37.861	32.923	4.938	36.921	32.104,5	4.816,5	940	818,5	121,5	HĐND tỉnh thống nhất kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm 2025
*	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững					6.998	5.948	1.050	6.998	6.085	913	5.724	4.977	747	1.274	1.108	166	
3	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	2024-2025	Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	6.998	5.948	1.050	6.998	6.085	913	5.724	4.977	747	1.274	1.108	166	

